TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 10/7/2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu D.

Các Hội thẩm nH dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Hằng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nH dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nH dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình D. Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 05, đường Trần H, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị Dương Bảo H. Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Đình D trình bày: Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà vào năm 2020. Cuộc sống chung của vợ

chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng anh chị đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly tH từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn anh yêu cầu giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Dương Hảo H trình bày: Nay anh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được với lý do chị H có đơn xin hòa giải vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đình D. Xử cho anh D và chị H được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020 cho chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D xác định về tài sản chung để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Chị H xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung. Vì vậy, không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh D, chị H xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung. Vì vậy, không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Đình D và bị đơn chị Dương Bảo H vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh D, chị H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nH: Anh D và chị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 04/5/2020 nên quan hệ hôn nH của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị H. Anh D cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có nhiều sự khác biệt, bất đồng với nhau về tính cách, lối sống, quan điểm sống. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly tH từ năm 2022 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Qua yêu cầu của anh D thì chị H cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, nguyên nH phát sinh mâu thuẫn là do anh D và chị H bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và sô sát với nhau. Do sảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly tH. Trong thời gian sống ly tH tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Đồng thời qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết nguyên nH mâu thuẫn của vợ chồng anh chị có một phần là do anh D ham chơi, không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn với nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nH như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt được nên căn cứ

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh D, xử cho anh D và chị H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]Về con chung: Anh D, chị H xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly tH cho đến nay cháu Ý do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nH và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh D xác định về tài sản chung để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị H xác định về tài sản chung vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh D, chị H xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đình D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của anh Nguyễn Đình D, xử cho anh Nguyễn Đình D và chị Dương Bảo H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/6/2020 cho chị Dương Bảo H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nH và gia đình.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013517 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nH dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu D